TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: **20/**2019/HNGĐ-ST
Ngày 01/7/2019
Về việc: "không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn, ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1974; Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971; Trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 11/12/2018, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H chung sống với nhau từ năm 1996, khí lấy nhau không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng bà và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau, ở chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Ông Nguyễn Đình H thường xuyên ghen tuông, đánh đập bà nên hai vợ chồng ông, bà đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng, bà T và ông H đã có với nhau 04 người con chung gồm các cháu: Nguyễn Đình K, sinh ngày 10/9/1998; cháu Nguyễn Thị Xa L, sinh ngày 23/5/2001; cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006 và cháu cháu Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008. Khi Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T xin được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008 và không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Còn đối với các cháu Nguyễn Đình K, cháu Nguyễn Thị Xa L các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, các cháu muốn ở với ai cũng được bà không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung không có.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Đình H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với ông Nguyễn Đình H nhưng ông Nguyễn Đình H vẫn không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Hiện tại ông Nguyễn Đình H có mặt tại địa phương nhưng ông H cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan trong tất cả các lần triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, hội đồng xét xử ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng thì Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn đã không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 97, Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 51; Điều 56; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T. Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng T được trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc, giáo dục, đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con : Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Đình H có địa chỉ tại thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Đình H đã được Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil triệu tập 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đình H cố tình vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan đã gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Điều đó thể hiện ý thức không tôn trọng pháp luật, không tôn trọng Hội đồng xét xử. Mặt khác sự cố tình vắng mặt của ông Nguyễn Đình H đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Nguyễn Đình H phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình H là phù hợp.

Ngày 24/5/2019 bà Nguyễn Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 1996 bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì ông, bà phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đình H. HĐXX xét thấy**,** mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục. Hai vợ chồng đã không còn tin tưởng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T và giải quyết bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Đình H. Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2000, quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T có nguyện vọng được nuôi con điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền và lợi ích hợp pháp của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*.

Hiện nay 02 cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008 đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, mặt khác bà Nguyễn Thị Hồng T là người kinh doanh, buôn bán có thu nhập ổn định hàng tháng có thu nhận khoảng 10.000.000đ nên đủ chi phí để chăm sóc con chung. Từ những nhận định trên, HĐXX nghĩ, cần giao 02 cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ. Đối với 02 cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 10/9/1998; cháu Nguyễn Thị Xa L, sinh ngày 23/5/2001 các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu ông Nguyễn Đình H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ: Bà Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết. Trong thời gian chung sống, ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị Hồng T không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn tài sản gì nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 56; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Đình H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Di N, sinh ngày 21/5/2006, Nguyễn Thị Ly N, sinh ngày 01/7/2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Đình H được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Hồng T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào *300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003328 ngày 03/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Đ, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh